

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng mua
bán hàng hoá*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đặng Hồng Phước
2. Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-KDTM ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông Nghiệp A

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Quốc lộ 54, ấp Đ, xã E, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người được ủy quyền: Nguyễn Chí T, sinh năm 1995. Chức vụ: Nhân viên kinh doanh (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 2, xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch Vụ Nông Nghiệp B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1990, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P 1, xã M, huyện C , tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, lời trình bày trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Chí T thể hiện:

Từ ngày 18/3/2020 đến ngày 29/4/2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp A (Công ty A) có mua bán vật tư nông nghiệp (Phân bón các loại) bằng hình thức bán hàng qua điện thoại với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch Vụ Nông nghiệp B (Công ty B) do ông Phạm Hữu P đại diện với số tiền còn nợ là 71.250.000 đồng. Đến ngày 29/6/2020, Công ty B có trả số tiền là 14.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 57.250.000 đồng.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết buộc Công ty B trả cho Công ty A số tiền gốc là 57.250.000 đồng và lãi suất 1,5 %/tháng tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử.

Bị đơn – Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch Vụ Nông Nghiệp B do ông Phạm Hữu P, chức vụ: Giám đốc làm đại diện: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng người đại diện của bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đến nhà để ghi lời khai nhưng ông P vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông P. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 1/ Chi tiết nợ phải thu (bản photo); 2/ Giấy phép kinh doanh (bản photo); 3/ Hợp đồng kinh tế (bản photo); 4/ Giấy ủy quyền ngày 15/4/2021 (bản chính); 5/ Đơn xác nhận nơi cư trú.

Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành: Biên bản không lấy được lời khai của ông Phạm Hữu P ngày 15/02/2022 và ngày 21/3/2022; Phiếu xác minh hộ khẩu Phạm Hữu P ngày 29/03/2022; Phiếu cung cấp thông tin của phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang về tình trạng hoạt động của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ nông nghiệp B.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T giữ nguyên yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền gốc mua hàng còn nợ là 57.250.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi: Không yêu cầu công ty B trả lãi theo mức lãi suất 1,5 %/tháng tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử.

- Bị đơn: Đại diện theo pháp luật của Công ty B – Ông Phạm Hữu P vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên

đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử là hoàn toàn tự nguyện do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu của Công ty A về việc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền 57.250.000 đồng mua vật tư còn nợ là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch Vụ Nông Nghiệp B có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A số tiền là 57.250.000 đồng. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch Vụ Nông Nghiệp B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty A khởi kiện Công ty B về giao dịch mua bán hàng hóa, cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh và khi xác lập giao dịch cả hai công ty đều nhằm mục đích lợi nhuận, nên đây là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty B có trụ sở tại ấp Phú An 1, xã Bình Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa:

- Xét giấy ủy quyền ngày 15/4/2021 của ông Huỳnh Văn D là người đại diện theo pháp luật của Công ty A, ủy quyền cho ông Nguyễn Chí T tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch Vụ Nông Nghiệp B đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Hữu P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Công ty B do ông Phạm Hữu P đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng đại diện Công ty B vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, Công ty B đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét theo trình bày của nguyên đơn, Sổ chi tiết bán hàng từ ngày 01/4/2020 đến ngày 06/6/2020 của công ty A bán cho Công ty B và Bản chi tiết nợ phải thu từ ngày 01/4/2020 đến ngày 06/6/2020 có chữ ký xác nhận nợ của ông Phạm Hữu P. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá là các sản phẩm phân bón. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền đầy đủ và đúng thời hạn cho Công ty A cụ thể: Từ ngày 18/3/2020 đến ngày 29/4/2020 Công ty A đã bán vật tư nông nghiệp theo hình thức bán hàng qua điện thoại cho Công ty B với số tiền còn nợ là 71.250.000 đồng. Đến ngày 29/6/2020, thì Công ty B có trả số tiền là 14.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 57.250.000 đồng vẫn chưa thanh toán cho công ty A. Do đó căn cứ vào Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại Hội đồng xét xử buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền mua hàng còn nợ là 57.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[2.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong Đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 Công ty A có yêu cầu Công ty B phải trả lãi theo mức lãi suất là 1,5 %/tháng đối với số tiền còn nợ là 57.250.000 đồng tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Chí T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi chậm trả. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty A được Tòa án chấp nhận nên Công ty B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 57.250.000 đồng được Tòa án chấp nhận. Công ty A không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 3 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55 của Luật Thương mại;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A:

1.1 Buộc Công ty TNHH MTV TM DV Nông nghiệp B phải trả cho Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A số tiền 57.250.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A đối với Công ty TNHH MTV TM DV Nông nghiệp B về yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH MTV TM DV Nông nghiệp B phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.639.000 đồng (Một triệu, sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002907 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty TNHH MTV Nông nghiệp A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2022).

Công ty TNHH MTV TM DV Nông nghiệp B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh